

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/DS-ST

Ngày: 31/3/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Vui;

2. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham dự phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thúy H, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Võ Hùng D – Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội luật gia huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: ông Huỳnh Lam P, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:

Bà Phan Thị Hồng H1, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: số I, đường N, phường A, Tp B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: số C, khu phố B, phường P, Tp B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Minh T, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thúy H trình bày:

Bà H và ông P có hợp đồng mua bán dừa trái, bà H bán cho ông P giao ước thanh toán trả tiền từng đợt, hình thức hợp đồng bằng lời nói. Từ năm 2021 đến ngày 02/12/2023, hai bên kết sổ ông P nợ bà H tiền mua dừa trái số tiền là 502.031.000 đồng. Sau khi kết sổ nợ, ông P trình bày hiện tại ông P không có khả năng trả nợ một lần nên ông đề nghị cho ông P trả nhiều lần, theo phương thức mỗi tháng trả một lần vào ngày 30 dương lịch hàng tháng ông P sẽ trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đồng thời, ông P cũng làm giấy hứa nợ cam kết sẽ thực hiện đúng nếu vi phạm ông P chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Cụ thể số tiền ông P đã trả được cho bà H như sau:

Ngày 12/01/2024, ông P trả 50.000.000 đồng.

Ngày 07/02/2024, ông P trả 20.000.000 đồng.

Ngày 25/02/2024, ông P trả 30.000.000 đồng.

Ngày 12/3/2024, ông P trả bằng hình thức chuyển khoản 50.000.000 đồng.

Ngày 19/4/2024, ông P trả 50.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông P đã trả tiền mua dừa cho bà H là 200.000.000 đồng. Số tiền ông P còn nợ lại bà H là 302.031.000 đồng.

Cũng vào thời điểm này, ngày 28/02/2023, ông P nhờ bà H vay dùm 300.000.000 đồng để mua bất động sản. Do là bạn làm ăn với nhau nên bà H tin tưởng, bà H đã hỏi mượn của bà Nguyễn Thị N số tiền là 300.000.000 đồng để cho ông P mượn. Bà N đồng ý cho vay nhưng với lãi suất 4,5%/tháng. Bà H có nói lại với ông P vay 300.000.000 đồng với mức lãi suất 4,5%/tháng được không? Ông P đồng ý.

Ngày 28/02/2023, bà H đến gặp bà N nhận 300.000.000 đồng để giao cho ông P. Số tiền này ông P đã đóng lãi được 12 tháng, kể từ ngày 28/3/2023 đến ngày 28/3/2024, mỗi tháng là 13.500.000 đồng, thành tiền là 162.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền đóng lãi hàng tháng của ông P, bà H đã đóng lại cho người vay tiền dùm cho ông P là bà N, số tiền này bà H không có sử dụng.

Từ ngày 19/4/2024 đến nay, ông P không thực hiện đúng theo cam kết. Bà H đã nhiều lần gặp ông P yêu cầu trả nợ, ông P yêu cầu bà H đề nghị với người cho vay để ông P đóng lãi hàng tháng, khi nào có tiền ông P sẽ trả. Ông P cứ hẹn hết lần này đến lần khác cho đến nay vẫn không trả nợ cho bà.

Tại đơn khởi kiện: bà H yêu cầu ông P trả nợ tiền mua dừa là 302.031.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 19/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm; yêu cầu ông P trả nợ tiền vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ

ngày 19/4/2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Tiền lãi cho 02 khoản tạm tính đến ngày 16/8/2024 số tiền là 24.000.000 đồng. Mỗi khoản là 12.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H yêu cầu ông P phải trả tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 626.031.000 đồng.

Ngày 24/02/2025, bà H khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P trả nợ tiền mua dứa là 302.031.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 19/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 50.137.000 đồng, tổng số tiền mua dứa ông P phải trả tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 352.168.000 đồng; yêu cầu ông P trả nợ tiền vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 19/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 49.800.000 đồng, tổng số tiền vay ông P phải trả tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 349.800.000 đồng. Tổng số tiền bà H yêu cầu giải quyết là 701.968.000 đồng.

Đối với số tiền lãi của ông P bà đã trừ vào tiền anh T nợ của ông P, bà H không yêu cầu anh T trả lại cho bà số tiền này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại “Văn bản trình bày ý kiến” ngày 13/01/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn bà Phan Thị Hồng H1 trình bày:

Đối với số tiền vay, ông P thừa nhận có vay của bà H là 300.000.000 đồng với lãi suất là 4,5%/tháng. Ông P đã đóng lãi cho bà H 12 tháng với số tiền là 162.000.000 đồng. Do lãi suất ông P đã trả cho bà H vượt lãi suất quy định nên ông P yêu cầu Tòa án tính lại lãi theo quy định là 1,66%/tháng. Như vậy, số tiền lãi theo quy định là 59.760.000 đồng, số tiền lãi ông P đã đóng cho bà H là 162.000.000 đồng – 59.760.000 đồng = 102.240.000 đồng. Số tiền lãi ông P đã đóng vượt quy định là 102.240.000 đồng ông P yêu cầu trừ vào tiền vốn 300.000.000 đồng, ông P còn nợ lại là 197.760.000 đồng. Ông P đồng ý trả cho bà H số tiền 197.760.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu tính từ ngày 19/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Ông P không đồng ý với mức lãi suất 1,66%/tháng theo yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà H.

Việc bà H trình bày ông P nhờ bà H vay dùm ông P 300.000.000 đồng để mua bất động sản. Bà H đã hỏi mượn của bà Nguyễn Thị N số tiền là 300.000.000 đồng để cho ông P mượn với lãi suất 4,5%/tháng. Bà H có nói ông P đồng ý vay với mức lãi suất này, lời trình bày này của bà H là không đúng. Ông P không biết việc bà H vay của người khác để cho ông P vay, không biết bà N là ai, không có việc ông P đồng ý bà H hỏi vay dùm ông P với mức lãi suất 4,5%/tháng. Ông P thừa nhận ông P vay tiền 300.000.000 đồng của bà H với mức lãi suất là 4,5%/tháng.

Đối với số tiền mua dứa, ông P thừa nhận ông P còn nợ bà H tính đến ngày 19/4/2024 số tiền là 302.031.000 đồng. Ông P đồng ý trả cho bà H số tiền này nhưng không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Lý do vì hai bên khi mua bán không có thỏa thuận trả lãi nếu chậm trả tiền mua dứa.

Đối với số tiền lãi của ông P bà H đã trừ vào tiền anh T nợ của ông P, mặc dù ông P với bà H, anh T trình bày không thống nhất số tiền nợ của anh T trừ vào tiền lãi nhưng ông P và bà H đã thống nhất số tiền lãi ông P đã trả cho bà H là 162.000.000 đồng. Bà H đã thừa nhận và đã nhận số tiền này nên ông P không có yêu cầu gì với anh T trong vụ kiện này. Nếu có yêu cầu ông P sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ kiện khác.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Minh T trình bày:

Từ cuối năm 2019, anh T làm tài xế xe tải cho ông P đi lấy dừa hột, hình thức chạy ăn tài. Khi mới vào làm khoảng 10 ngày ông P trả tiền công một lần, được vài lần khoảng 20 ngày ông P trả tiền công/lần. Trong thời gian đó, anh tâm thiếu nợ bên ngoài là 40.000.000 đồng. Ông P đứng ra thoả thuận với người anh T mắc nợ hàng tháng anh T sẽ trả 5.000.000 đồng. Ngoài ra, thời gian này anh T kẹt tiền nên có mượn của ông P 20.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh T nợ ông P là 60.000.000 đồng. Tiền công hàng tháng trung bình anh T chạy xe cho ông P là 12.000.000 đồng, mỗi tháng trừ 5.000.000 đồng. Trong thời gian làm việc cho ông P đã trừ 39.500.000 đồng, anh tâm chỉ còn nợ ông P 20.500.000 đồng. Ông P trình bày bà H trừ tiền lãi hàng tháng của số tiền vay 300.000.000 đồng vào tiền anh T nợ của ông P là 60.000.000 đồng là không đúng. Anh T còn nợ ông P là 20.500.000 đồng nên bà H chỉ trừ tiền lãi của ông P vào tiền nợ của anh T số tiền là 20.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Chị H1 - đại diện của bị đơn ông P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T vẫn giữ nguyên lời trình bày. Bà H trình bày: tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tiền lãi phát sinh trên số tiền mua dừa ông P còn nợ là 57.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền vay là 57.000.000 đồng. Tại “Văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án” ngày 21/3/2025, bà H yêu cầu ông P trả cho bà đối với khoản nợ trong hợp đồng mua bán dừa: trả nợ gốc 302.031.000 đồng và tính lãi trong hạn là 50.137.000 đồng; tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: 50.137.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng = 4.161.000 đồng; tiền lãi quá hạn: 302.031.000 đồng x 2,49%/tháng x 10 tháng = 75.205.000 đồng. Tổng số tiền ông P phải trả cho bà H là 431.534.000 đồng, trong đó nợ gốc là 302.031.000 đồng ; tiền lãi 129.503.000 đồng. Đối với khoản nợ ông P nhờ bà H vay dùm: ông P phải trả nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi trong hạn là 49.800.000 đồng; tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: 49.800.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng = 4.133.400 đồng; tiền lãi quá hạn: 300.000.000 đồng x 2,49%/tháng x 10 tháng = 74.700.000 đồng. Tổng số tiền ông P phải trả cho bà H là 428.633.000 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng ; tiền lãi 128.633.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải trả tiền lãi trên nợ lãi chưa trả và tiền lãi quá hạn mà giữ nguyên yêu cầu tại đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Hùng D đề

ng nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với khoản nợ trong hợp đồng mua bán dừa: ông P phải trả nợ gốc 302.031.000 đồng và yêu cầu tính lãi trong hạn với mức lãi suất 1,66%/tháng, từ ngày 19/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 10 tháng x 302.031.000 đồng x 1,66%/tháng = 50.137.000 đồng; tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: 50.137.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng = 4.161.000 đồng; tiền lãi quá hạn: 302.031.000 đồng x 2,49%/tháng x 10 tháng = 75.205.000 đồng. Tổng số tiền ông P phải trả cho bà H là 431.534.000 đồng, trong đó nợ gốc là 302.031.000 đồng ; tiền lãi 129.503.000 đồng.

- Đối với khoản nợ ông P nhờ bà H vay dùm: ông P phải trả nợ gốc 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi trong hạn với mức lãi suất 1,66%/tháng, từ ngày 19/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 10 tháng x 300.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 49.800.000 đồng; tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: 49.800.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng = 4.133.400 đồng; tiền lãi quá hạn: 300.000.000 đồng x 2,49%/tháng x 10 tháng = 74.700.000 đồng. Tổng số tiền ông P phải trả cho bà H là 428.633.000 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng ; tiền lãi 128.633.000 đồng.

- Đối với tiền lãi 162.000.000 đồng ông P đã đóng cho bà H vượt mức lãi suất quy định do việc đóng lãi này đã hoàn thành nên yêu cầu không tính lại lãi và không trừ vào nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm giải quyết:

Về thủ tục thụ lý cũng như quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định và tại phiên toà Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 21, 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Buộc ông P phải trả cho bà Hằng số tiền nợ mua bán dừa là 302.031.000 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 19/4/2024 đến ngày xét xử.

- Buộc ông P trả cho bà Hằng số tiền nợ vay: nợ gốc 197.760.000 đồng và lãi phát sinh theo mức lãi suất 1,66%/tháng đối với số tiền 197.760.000 đồng từ ngày 19/4/2024 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 15/8/2024, bà Trần Thúy H khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc yêu cầu giải quyết buộc ông P trả nợ tiền mua dừa là 302.031.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 19/4/2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm; yêu cầu ông P trả nợ tiền vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 19/4/2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Tiền lãi cho 02 khoản tạm tính đến ngày 16/8/2024 số tiền là 24.000.000 đồng. Mỗi khoản là 12.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H yêu cầu ông P phải trả tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 626.031.000 đồng.

Ngày 24/02/2025, bà H khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P trả nợ tiền mua dừa là 302.031.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 19/4/2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 50.137.000 đồng, tổng số tiền mua dừa ông P phải trả tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 352.168.000 đồng; yêu cầu ông P trả nợ tiền vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 19/4/2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 49.800.000 đồng, tổng số tiền vay ông P phải trả tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 349.800.000 đồng. Tổng số tiền bà H yêu cầu giải quyết là 701.968.000 đồng.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 463 Bộ luật dân sự. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Đối với yêu cầu của bà H yêu cầu ông P trả số tiền mua dừa là 302.031.000 đồng và tiền lãi:*

[2.1] Theo bà H trình bày: bà H và ông P có hợp đồng mua bán dừa trái, bà H bán cho ông P giao ước thanh toán trả tiền từng đợt, hình thức hợp đồng bằng lời nói. Từ năm 2021 đến ngày 02/12/2023, hai bên kết sổ ông P nợ bà H tiền mua dừa trái số tiền là 502.031.000 đồng. Sau khi kết sổ nợ, ông P đã trả được cho bà H tổng cộng là 200.000.000 đồng. Số tiền ông P còn nợ lại bà H là 302.031.000 đồng. Từ ngày 19/4/2024 đến nay, ông P không thực hiện đúng theo cam kết. Bà H đã nhiều lần gặp ông P yêu cầu trả nợ nhưng ông P cứ hẹn hết lần này đến lần khác cho đến nay vẫn không trả nợ cho bà. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P trả nợ tiền mua dừa là 302.031.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 19/4/2024 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 50.137.000 đồng, tổng số tiền mua dừa ông P phải trả tạm tính đến ngày 19/02/2025 là 352.168.000 đồng. Chứng cứ chứng minh: Giấy hứa nợ (bản

chính).

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H1 - đại diện của bị đơn là ông P - xác định: ông P thừa nhận còn nợ bà H tính đến ngày 19/4/2024 số tiền là 302.031.000 đồng. Ông P đồng ý trả cho bà Hằng số tiền này nhưng không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Lý do vì hai bên khi mua bán không có thỏa thuận trả lãi nếu chậm trả tiền mua dừa. Ông P không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

[2.3] Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2024, “Văn bản trình bày ý kiến” ngày 13/01/2025, biên bản hòa giải ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H1 - đại diện của ông P - thừa nhận có nợ của bà Hằng S tiền mua dừa là 302.031.000 đồng. Lời thừa nhận của bà H1 - đại diện của ông P, là chứng cứ bà H không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông P đồng ý trả cho bà Hằng số tiền mua dừa còn nợ là 302.031.000 đồng nên ghi nhận. Yêu cầu của bà H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.4] Bà H yêu cầu ông P trả tiền lãi trên số tiền gốc 302.031.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 19/4/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 57.000.000 đồng. Đối với yêu cầu này của bà H, ông P không đồng ý. Lý do: ông P cho rằng hai bên khi mua bán không có thỏa thuận trả lãi nếu chậm trả tiền mua dừa. Tuy nhiên, theo thừa nhận nêu trên có căn cứ xác định ông P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên ông P phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[2.5] Về mức lãi suất áp dụng: theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trường hợp bà H với ông P có thỏa thuận lãi suất chậm trả thì áp dụng theo lãi suất thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận về lãi suất áp dụng thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tại “Giấy hứa nợ” ngày 02/12/2023 không có nội dung thỏa thuận mức lãi suất áp dụng đối với số tiền nợ mua dừa nên áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 0,83%/tháng. Ông P và bà H trình bày thống nhất tính đến ngày 19/4/2024, ông P còn nợ bà H số tiền là 302.031.000 đồng nên có căn cứ xác định ngày ông P chậm trả tiền cho bà H là ngày 20/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/3/2025 là 11 tháng 11 ngày x 302.031.000 đồng x 0,83%/tháng = 28.494.000 đồng. Cần buộc ông P phải có nghĩa vụ trả cho bà Hằng số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 28.494.000 đồng. Bà H yêu cầu áp dụng với mức lãi suất 1,66%/tháng là không phù hợp với quy định nêu trên nên không được chấp nhận.

Tổng số tiền vốn và lãi mua dừa ông P phải trả cho bà H là 302.031.000 đồng + 28.494.000 đồng = 330.525.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu của bà H yêu cầu ông P trả số tiền vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi:

[3.1] Theo bà H trình bày: Cùng thời điểm, ông P nhờ bà H vay dùm 300.000.000 đồng để mua bất động sản. Bà H đã hỏi mượn của bà Nguyễn Thị N số tiền là 300.000.000 đồng để cho ông P mượn với lãi suất 4,5%/tháng. Ông P đồng ý vay 300.000.000 đồng với mức lãi suất 4,5%/tháng nêu trên. Ngày 28/02/2023, bà H nhận 300.000.000 đồng từ bà N để giao cho ông P. Số tiền này ông P đã đóng lãi được 12 tháng, kể từ ngày 28/3/2023 đến ngày 28/3/2024, mỗi tháng là 13.500.000 đồng, thành tiền là 162.000.000 đồng. Từ ngày 19/4/2024 đến nay, ông P không thực hiện đúng theo cam kết. Bà H cũng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông P hứa hẹn mà không trả nợ cho bà. Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P trả nợ tiền vay là 300.000.000 đồng.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H1 - đại diện của bị đơn là ông P - xác định: ông P thừa nhận còn nợ bà H tính đến ngày 19/4/2024 số tiền là 300.000.000 đồng. Ông P vay số tiền 300.000.000 đồng của bà H với lãi suất là 4,5%/tháng. Ông P đã đóng lãi cho bà H 12 tháng với số tiền là 162.000.000 đồng. Do lãi suất ông P đã trả cho bà H vượt lãi suất quy định nên ông P yêu cầu Tòa án tính lại lãi theo quy định là 1,66%/tháng. Như vậy, số tiền lãi theo quy định là 59.760.000 đồng, số tiền lãi ông P đã đóng cho bà H là 162.000.000 đồng – 59.760.000 đồng = 102.240.000 đồng. Số tiền lãi ông P đã đóng vượt quy định là 102.240.000 đồng ông P yêu cầu trừ vào tiền vốn 300.000.000 đồng, ông P còn nợ lại là 197.760.000 đồng. Ông P đồng ý trả cho bà H số tiền 197.760.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu tính từ ngày 30/5/2024 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Ông P không đồng ý với mức lãi suất 1,66%/tháng theo yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà H.

[3.3] Xét thấy: bà H với ông P trình bày thống nhất về số tiền vay, thời gian vay và mức lãi suất cho vay, lời trình bày này của ông P, bà H phù hợp với tờ “Giấy hứa nợ” ngày 02/12/2023.

Ông P cho rằng bà H cho ông P vay với lãi suất là 4,5%/tháng là vượt quá quy định của Nhà nước là 1,66%/tháng. Ông P đã đóng lãi cho bà H 12 tháng với số tiền là 162.000.000 đồng. Bà H cũng thừa nhận lời trình bày này của ông P nên ông P không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông P yêu cầu Tòa án tính lại lãi ông P đã đóng cho bà H với mức lãi suất vượt mức lãi suất quy định. Đối với yêu cầu này của ông P, bà H không đồng ý vì ông P nhờ bà H vay dùm cho ông P. Bà H đã hỏi mượn của bà N số tiền là 300.000.000 đồng để cho ông P mượn với lãi suất 4,5%/tháng. Ông P đồng ý. Số tiền lãi ông P đóng cho bà H, bà H đã trả cho bà N, bà H không sử dụng số tiền lãi này. Bà H1, đại diện cho ông P xác định: “Ông P không biết việc bà H vay của người khác để cho ông P vay, không biết bà N là ai, không có việc ông P đồng ý bà H hỏi vay dùm ông P với mức lãi suất 4,5%/tháng”. Tại “Biên bản lấy lời khai người làm chứng” ngày 22/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đối với bà Nguyễn Thị N thể hiện: “Năm 2023, chị H có gặp tôi để hỏi mượn số tiền 300.000.000 đồng; lãi suất 4,5%/tháng; Chị H

nói mượn dùm cho người ta. Tôi hỏi mượn dùm ai thì chị H nói mượn dùm cho Huỳnh P làm nghề mua dừa để ông P mua đất. Tôi không biết Huỳnh P là ai nên không đồng ý; tôi nói chị H chị H mượn dùm cho ai thì mượn nhưng chị H mượn tiền của tôi thì tôi biết chị H...”; “Việc chị H mượn tiền dùm cho ông Huỳnh P là do chị H nói tôi biết vậy chứ tôi không trực tiếp chứng kiến việc ông Huỳnh Phương N1 chị H mượn dùm tiền của tôi”; “Chị H cũng có nói ông Huỳnh P đồng ý vay tiền của tôi với mức lãi suất 4,5%/tháng ..., tôi không chứng kiến việc ông P đồng ý chị H vay dùm tiền ông P với mức lãi suất 4,5%/tháng”. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự đối với lãi suất thoả thuận vượt quá quy định thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Như vậy, không có căn cứ xem xét cho lời trình bày của bà H.

Như đã nêu trên, lãi suất cho vay bà H với ông P tự thoả thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 1,66%/tháng. Bà H cho ông P vay với mức lãi suất 4,5%/tháng là vượt quá so với quy định này nên cần tính lại tiền lãi đối với số tiền lãi ông P đã đóng cho bà H. Bà H, ông P trình bày thống nhất ông P đã đóng cho bà H 12 tháng tiền lãi với mức lãi suất 4,5%/tháng, thành tiền là 162.000.000 đồng. Mức lãi suất theo quy định là 1,66%/tháng x 300.000.000 đồng x 12 tháng = 59.760.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi ông P đã đóng cho bà H vượt so với quy định là 162.000.000 đồng – 59.760.000 đồng = 102.240.000 đồng. Số tiền lãi ông P đã đóng vượt 102.240.000 đồng này được trừ vào tiền vốn 300.000.000 đồng, ông P còn nợ lại là 197.760.000 đồng phù hợp theo hướng dẫn tại Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Ông P phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền còn nợ là 197.760.000 đồng. Bà H yêu cầu ông P trả tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Ông P và bà H trình bày thống nhất tính đến ngày 19/4/2024, ông P còn nợ bà H số tiền là 300.000.000 đồng nên có căn cứ xác định ngày ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 20/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/3/2025 là 11 tháng 11 ngày x 197.760.000 đồng x 1,66%/tháng = 37.314.000 đồng. Cần buộc ông P phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 37.314.000 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi vay ông P phải trả cho bà H là 197.760.000 đồng + 37.314.000 đồng = 235.074.000 đồng.

Một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 26.624.000 đồng; bà H phải chịu án phí số tiền 6.818.000 đồng đối với phần yêu cầu của bà H

không được chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357, 430, 440, 463, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Huỳnh Lam P phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thúy H tiền nợ mua dừa là 330.525.000đ (Ba trăm ba mươi triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng), trong đó: tiền gốc là 302.031.000đ (Ba trăm lẻ hai triệu không trăm ba mươi một ngàn đồng) và tiền lãi là 28.494.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn đồng); tiền vay là 235.074.000đ (Hai trăm ba mươi lăm triệu không trăm bảy mươi bốn ngàn đồng, trong đó: tiền gốc là 197.760.000đ (Một trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi đồng) và tiền lãi là 37.314.000đ (Ba mươi bảy triệu ba trăm mười bốn ngàn đồng).

2. Về án phí: - Ông Huỳnh Lam P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 26.624.000đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

- Bà Trần Thúy H phải chịu án phí số tiền 6.818.000đ (Sáu triệu tám trăm mười tám ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006616 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho bà Trần Thúy H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.033.000đ (Một triệu không trăm ba mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006616; số tiền 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006615 cùng ngày 21/11/2024; số tiền 975.000đ (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006789 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TOÀ**

Lê Thị Minh Trung